TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 33/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 25/5/2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Cảnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Ngọc Trứ**.

Bà **Đặng Thị Tiềm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Liễu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, tranh chấp cấp dưỡng nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị L**, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Tổ 1, kp1, Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Anh **Hồ Văn T**, sinh năm 1973;
Địa chỉ: Tổ 1, kp1, Ph1, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:*

Chị và anh Hồ Văn T là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn 152 do Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau cấp ngày 12/10/2007. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, vào cuối năm 2020 chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó chị rút

lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng về hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Hồ Văn H, sinh ngày 01/6/2009 và Hồ Quang V, sinh ngày 13/10/2011. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Hồ Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn chị Hoàng Thị L vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Hồ Văn T vắng mặt không lý do.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*:

Chị Hoàng Thị L là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L.

Anh Hồ Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Hoàng Thị L giao nộp 01 giấy chứng nhận kết hôn số 152 ngày 12/10/2007 của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau nên Hội đồng xét xử xác định giữa chị Hoàng Thị L và anh Hồ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, chị L xác định giữa chị và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên tranh cãi, đã ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho đến nay, vào cuối năm 2020 chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó chị rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện để vợ chồng về hàn gắn, đoàn tụ nhưng không thành, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Anh T không có văn bản phản đối yêu cầu ly hôn của chị L, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh T không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân với chị L và lời trình bày của chị L về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là có căn cứ.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. *Về con chung*:

- Anh Hồ Văn T và chị Hoàng Thị có 02 người con chung tên Hồ Văn H, sinh ngày 01/6/2009 và Hồ Quang V, sinh ngày 13/10/2011.

- Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, hiện cháu H và cháu V đang sống ổn định với chị L. Chị L trình bày chị có việc làm ổn định, đủ điều kiện nuôi 02 con chung. Anh T không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con. Để đảm bảo việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H và cháu V, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao cháu H và cháu V cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị L yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T không có ý kiến phản đối.

- Hội đồng xét xử thấy rằng: Do con chung giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nên chị L yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh T không có ý kiến phản đối mức cấp dưỡng cho con theo yêu cầu của chị L nên có căn cứ xác định mức cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) theo yêu cầu của chị L là phù hợp với khả năng kinh tế của anh T; Mặt khác, mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) là phù hợp nhu cầu cần thiết để nuôi bé phát triển bình thường về mọi mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng) đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L không yêu cầu giải quyết.

[5]. *Về án phí*:

- Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Hồ Văn T.

2. Con chung:

Tiếp tục giao 02 con chung tên Hồ Văn H, sinh ngày 01/6/2009 và Hồ Quang V, sinh ngày 13/10/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con chung (02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí:

Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006791 ngày 03/02/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên chị L không phải nộp tiếp tiền án phí.

Anh Hồ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Hoàng Thị L và anh Hồ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
-VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự: L, T;
- UBND thị trấn N, H.Năm Căn, tỉnh Cà Mau;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Cảnh